

Bản án số: 194/2024/LĐ-ST
Ngày: 30-12-2024
V/v “Tranh chấp yêu cầu
tuyên bố hợp đồng lao động
vô hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Chí Lin - Cán bộ hưu trí.
- Bà Nguyễn Thị Rạt – Cán bộ hưu trí, nguyên Phó Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Đức Hòa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân -Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 169/2024/TLST - LĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2024/QĐXXST - LĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2024/QĐ-ST ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1986. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Công ty TNHH S (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Thị Diễm C, sinh năm 1988. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.2 Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Long An. (xin vắng mặt)

Trụ sở: số 08 Tuyến tránh, phường D, Thành phố T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Từ tháng 7/2004 đến tháng 06/2023, bà làm việc tại Công ty TNHH P. Trong quá trình làm việc tại công ty, bà tham gia bảo hiểm với số bảo hiểm 0204233107.

Bà có cho bạn bà là bà Nguyễn Thị Diễm C mượn chứng minh nhân dân để đi làm tại Công Ty TNHH S. Từ tháng 04/2005 đến tháng 02/2012, bà C cũng đóng bảo hiểm xã hội số 4805010484 trùng với số sổ bảo hiểm 0204233107 của bà. Do không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà C1 để có thể đi làm lo cho gia đình. Nên bà cho bà C mượn chứng minh nhân dân số 301233572 để đi làm. Việc bà cho bà C mượn chứng minh nhân dân là không đúng theo quy định của pháp luật và người thực hiện hợp đồng với Công Ty TNHH S từ tháng 04/2005 đến tháng 02/2012, không phải bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thu H (nhưng người lao động thực tế là Nguyễn Thị Diễm C) với Công ty TNHH S từ tháng 04/2005 đến tháng 02/2012 vô hiệu do không đúng nhân thân để bà đủ điều kiện hưởng Bảo hiểm xã hội theo qui định.

- Điều chỉnh thông tin cá nhân trên sổ BHXH số 4805010484 từ tháng 04/2005 đến tháng 02/2012 từ tên Nguyễn Thị Thu H với quá trình tham gia tại Công ty TNHH S thành tên Nguyễn Thị Diễm C cho đúng nhân thân.

Bị đơn Công ty TNHH S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diễm C trình bày:

Trước đây bà có mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Thu H để đi làm tại Công ty TNHH S và có tham gia bảo hiểm xã hội số Sổ bảo hiểm 4805010484.

Nay do trùng thời gian đóng BHXH bà Nguyễn Thị Thu H không thể lãnh tiền bảo hiểm được. Nên bà đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H, đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu Hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thu H (do bà làm việc) với Công ty TNHH S từ tháng 04/2005 đến tháng 02/2012 để bà Nguyễn Thị Thu H đủ điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội theo đúng quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L có văn bản trình bày:

Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định bà Nguyễn Thị Thu H có thời gian đóng BHXH từ tháng tháng 04/2005 đến tháng 02/2012 với số sổ BHXH 4805010484 tại Công ty TNHH S.

Qua tra cứu dữ liệu chi trả chính sách BHXH, BHTN đến ngày 03/11/2024, cơ quan BHXH đã giải quyết chế độ BHXH một lần với thời gian đóng BHXH trên theo Quyết định số 071339/QĐ-BHXH ngày 11/3/2013 của BHXH huyện Đ với thời gian từ 01/2009 đến 09/2011, số tiền hưởng là 20.878.420 đồng.

Theo quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT không quy định người lao động đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động cung cấp hợp đồng lao động trong thành phần hồ sơ khi đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN. Nên BHXH tỉnh L không cung cấp được theo yêu cầu của TAND huyện Đức Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H về việc vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thu H (do Nguyễn Thị Diễm C làm việc) với Công ty TNHH S từ tháng 04/2005 đến tháng 02/2012 do hợp đồng được ký kết không đúng với nhân thân, vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại Điều 15 Bộ luật lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Điều chỉnh tên Nguyễn Thị Thu H trên sổ bảo hiểm xã hội số 4805010484 thành tên Nguyễn Thị Diễm C.

Các đương sự không yêu cầu xử lý hậu quả khi hợp đồng lao động vô hiệu, do đó đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty TNHH S có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu H là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH S là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Bà Nguyễn Thị Diễm C và BHXH tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự không yêu cầu áp dụng về thời hiệu nên căn cứ quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không áp dụng thời hiệu.

[1.4] Sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Diễm C, đại diện BHXH tỉnh L có đề nghị được vắng mặt, bị đơn Công ty TNHH S đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng lao động: Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thu H do bà Nguyễn Thị Diễm C trực tiếp tham gia lao động với Công ty TNHH S là vô hiệu. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và bà C thống nhất trình bày: Bà Nguyễn Thị Thu H có cho bà Nguyễn Thị Diễm C mượn chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thu H để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng tháng 04/2005 đến tháng 02/2012 tại Công ty TNHH S theo sổ BHXH số 4805010484. Đồng thời, từ tháng 07/2004 đến tháng 06/2023 bà Nguyễn Thị Thu H cũng tham gia lao động tại công ty khác và tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo sổ sổ là 0204233107.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào sổ bảo hiểm xã hội số 0204233107, thể hiện bà Nguyễn Thị Thu H đi làm tại Công ty TNHH P, tham gia bảo hiểm từ tháng 07/2004 đến tháng 06/2023 và sổ BHXH số 4805010484 cũng thể hiện bà Nguyễn Thị Thu H đi làm tại Công ty TNHH S, tham gia bảo hiểm từ tháng tháng 04/2005 đến tháng 02/2012.

Như vậy, có căn cứ xác định trong khoảng thời gian tháng 04/2005 đến tháng 02/2012 bà Nguyễn Thị Thu H cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 doanh nghiệp là Công ty TNHH P và Công ty TNHH S. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Diễm C ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S nhưng với tên bà Nguyễn Thị Thu H là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007) nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thu H và Công ty TNHH S là không có hiệu lực. Do đó, nay bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thu H và Công ty TNHH S trong khoảng thời gian tháng 04/2005 đến tháng 02/2012 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người lao động trực tiếp tham gia lao động là bà Nguyễn Thị Diễm C trong khi thông tin ký hợp đồng lao động mang tên bà Nguyễn Thị Thu H vô hiệu là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Bà Nguyễn Thị Thu H, Công ty TNHH S, bà Nguyễn Thị Diễm C không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm thay cho Công ty TNHH S nên Công ty TNHH S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68 Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007); Điều 190 Bộ luật lao động năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thu H với Công ty TNHH S từ tháng 04/2005 đến tháng 02/2012 là vô hiệu.

Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội mã số 4805010484 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H do Công ty TNHH S nộp từ tháng 04/2005 đến tháng 02/2012 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh L thành tên Nguyễn Thị Diễm C.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000588 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành án phí.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thùy Trang

Lê Thị Thùy Trang

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Kim T1 – Nguyễn Thị Rạt Nguyễn Thị Mộng T2

